

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3 điểm): Em hãy khoanh tròn vào đáp án đúng.

Câu 1 (NB- C1- ND1) Trong các số sau, số nào không phải là số hữu tỉ?

A. $\frac{6}{5}$

B. -12

C. 4,5

D. $\frac{17}{0}$

Câu 2 (NB- C1- ND1) Khẳng định nào sau đây sai?

A. Số đối của $\frac{10}{3}$ là $-\frac{10}{3}$

B. Số đối của $-\frac{6}{7}$ là $\frac{6}{7}$

C. Số đối của 12 là -12

D. Số đối của $-\left(\frac{-3}{2}\right)$ là $\frac{-3}{2}$

Câu 3 (NB- C1- ND1) Số nào sau đây là số hữu tỉ dương ?

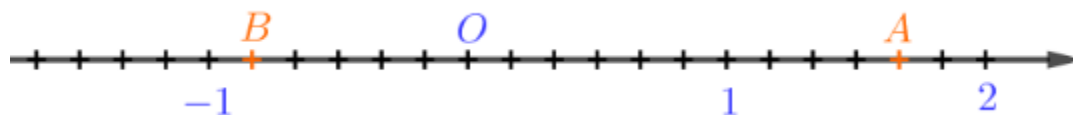
A. $\frac{-3}{4}$

B. $\frac{-4}{-3}$

C. $\frac{10}{-6}$

D. $-\frac{3}{7}$

Câu 4 (TH- C1- ND1) Quan sát trục số và cho biết điểm A biểu diễn số hữu tỉ nào?



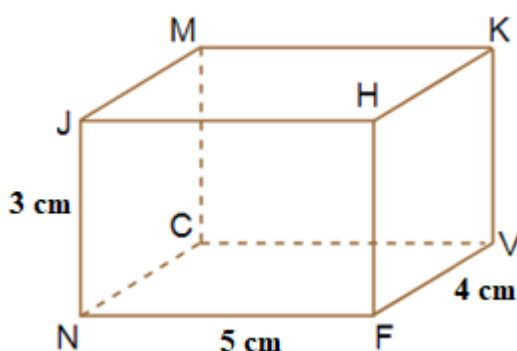
A. Điểm A biểu diễn số hữu tỉ $-\frac{10}{6}$

B. Điểm A biểu diễn số hữu tỉ $\frac{6}{10}$

C. Điểm A biểu diễn số hữu tỉ $\frac{10}{6}$

D. Điểm A biểu diễn số hữu tỉ $-\frac{6}{10}$

Câu 5 (NB- C3- ND1) Quan sát hình và cho biết độ dài cạnh CV bằng bao nhiêu cm?



A. 3cm

B. 4cm

C. 5cm

D. 6cm

Câu 6 (NB- C3- ND1) Khẳng định nào sau đây là đúng:

“ Hình lập phương có 6 mặt đều là hình”.

A. Hình chữ nhật.

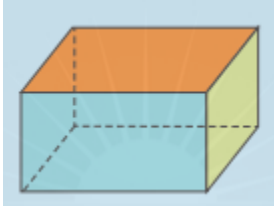
B. Hình vuông

C. Hình tròn.

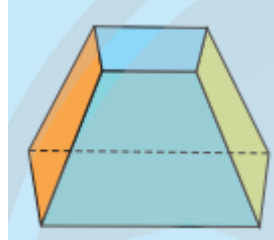
D. Hình tam giác.

Câu 7 (NB- C3- ND1) Trong các hình sau hình nào là hình hộp chữ nhật ?

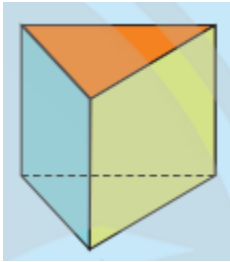
A.



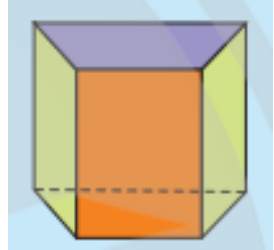
B.



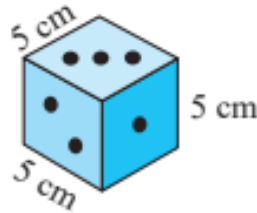
C.



D.



Câu 8 (NB- C3- ND1) Quan sát hình, hãy tính thể tích của con xúc xắc hình lập phương ?



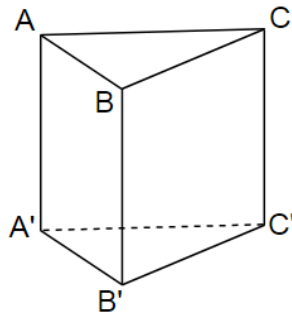
A. 15 cm^3

B. 25 cm^3

C. 100 cm^3

D. 125 cm^3

Câu 9 (NB- C3- ND2) Quan sát hình vẽ, chiều cao của hình lăng trụ là ?



A. BC

B. BA

C. BB'

D. B'A'

Câu 10 (NB- C3- ND2) Khẳng định nào sau đây đúng?

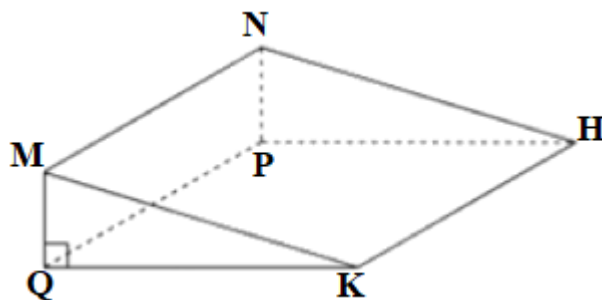
- A. Các mặt bên của hình lăng trụ đứng tam giác là các tam giác.
- B. Các mặt bên của hình lăng trụ đứng tứ giác là các hình chữ nhật.
- C. Hình lăng trụ đứng tam giác có bốn mặt bên.
- D. Hình lăng trụ đứng tứ giác có sáu mặt bên.

Câu 11 (NB- C3- ND2) Mặt bên của hình lăng trụ đứng tam giác là:

- A. Hình chữ nhật.
- C. Hình tròn.

- B. Hình vuông
- D. Hình tam giác.

Câu 12 (NB- C3- ND2) Quan sát hình lăng trụ đứng tam giác và cho biết mặt đáy là mặt nào?



A. MNPQ

B. MNHK

C. MKQ và MKHN

D. MKQ và NHP

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1 (0,75 điểm) (NB) Các số $-0,33$; 0 ; $3\frac{1}{2}$ có phải là số hữu tỉ không? Vì sao?

Bài 2 (1,5 điểm) (VD) Thực hiện phép tính

a) $3\frac{1}{5} - 1,25 \cdot \left(\frac{2}{5}\right)^2$

b) $\frac{21}{47} + \frac{9}{5} + \frac{26}{47} + \frac{6}{5}$

c) $\frac{4}{9} \cdot \frac{-1}{19} + \frac{5}{9} \cdot \frac{-1}{19}$

Bài 3 (1,5 điểm) (TH) Tìm x , biết

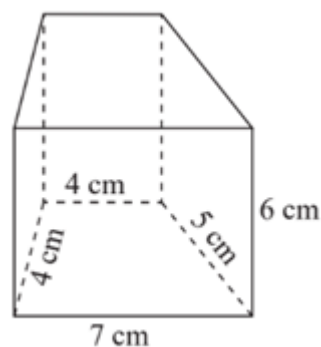
a) $x - \frac{3}{4} = 1\frac{1}{3}$

b) $\frac{5}{7} + \left(\frac{2}{5} - x\right) = \frac{2}{14}$

Bài 4 (1 điểm) (TH) Tính diện tích xung quanh và thể tích của một hình hộp chữ nhật có chiều dài 30 cm, chiều rộng 20 cm và chiều cao 15 cm.

Bài 5 (0,75 điểm) (TH)

Tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng có đáy là hình thang cho trong hình bên.



Bài 6 (0,5 điểm) (VD)

Một quyển lịch để bàn gồm các tờ lịch được đặt trên một giá đỡ bằng bìa có dạng hình lăng trụ đứng tam giác. Tính diện tích bìa dùng để làm giá đỡ của tấm lịch



Bài 7 (1 điểm) (VDC) Bác Thu mua ba món hàng ở một siêu thị: Món hàng thứ nhất giá 125 000 đồng và được giảm giá 30%; món hàng thứ hai giá 300 000 đồng và được giảm giá 15%; món hàng thứ ba được giảm giá 40%. Tổng số tiền bác Thu phải thanh toán là 692 500 đồng. Hỏi giá tiền món hàng thứ ba lúc chưa giảm giá là bao nhiêu?

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	D	A	B	C	C	B	A	D	C	B	A	D

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1:	0,75 điểm
$-0,33 = \frac{-33}{100}; 0 = \frac{0}{1}; 3\frac{1}{2} = \frac{7}{2}$ Các số đều là số hữu tỉ.	Mỗi ý đúng được 0,25 đ
Bài 2: Thực hiện phép tính	1,5 điểm
a) $3\frac{1}{5} - 1,25 \cdot \left(\frac{2}{5}\right)^2$ $= \frac{16}{5} - \frac{5}{4} \cdot \frac{4}{25}$ $= \frac{16}{5} - \frac{1}{5}$ $= 3.$	0,25 đ 0,25 đ
b) $\frac{21}{47} + \frac{9}{5} + \frac{26}{47} + \frac{6}{5}$ $= \left(\frac{21}{47} + \frac{26}{47}\right) + \left(\frac{9}{5} + \frac{6}{5}\right)$ $= 1 + 3$ $= 4.$	0,25 đ 0,25 đ
c) $\frac{4}{9} \cdot \frac{-1}{19} + \frac{5}{9} \cdot \frac{-1}{19}$ $= \frac{-1}{19} \cdot \left(\frac{4}{9} + \frac{5}{9}\right)$ $= \frac{-1}{19} \cdot 1$ $= \frac{-1}{19}.$	0,25 đ 0,25 đ
Bài 3: Tìm x	1,5 điểm
a) $x - \frac{3}{4} = 1\frac{1}{3}$ $x - \frac{3}{4} = \frac{4}{3}$ $x = \frac{4}{3} + \frac{3}{4}$ $x = \frac{25}{12}$	0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
b) $\frac{5}{7} + \left(\frac{2}{5} - x\right) = \frac{2}{14}$ $\frac{2}{5} - x = \frac{2}{14} - \frac{5}{7}$ $\frac{2}{5} - x = \frac{-4}{7}$ $x = \frac{2}{5} - \frac{-4}{7}$ $x = \frac{34}{35}$	0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
Bài 4:	1 điểm
Tính đúng diện tích xung quanh	0,5 đ
Tính đúng thể tích	0,5 đ
Bài 5:	0,75 điểm
Tính đúng chu vi đáy	0,25 đ

Tính đúng diện tích xung quanh	0,5 đ
Bài 6:	0,5 điểm
Tính đúng chu vi đáy	0,25 đ
Tính đúng diện tích xung quanh	0,25 đ
Bài 7:	1 điểm
Số tiền phải trả cho món hàng 1, 2 khi giảm giá là: 125 000. 70% = 87 500 (đồng)	0,25 đ
Số tiền phải trả cho món hàng 1, 2 khi giảm giá là: 300 000. 85% = 255 000 (đồng).	0,25 đ
Số tiền phải trả cho món hàng thứ 3 sau khi giảm giá là: 692 500 – 87 500 - 255 000 = 350 000 (đồng).	0,25 đ
Giá tiền món hàng thứ 3 khi chưa giảm 40% là: 350 000 : 60% $\approx$ 584 000 (đồng)	0,25 đ

Xem thêm: **ĐỀ THI GIỮA HK1 TOÁN 7**

<https://thcs.toanmath.com/de-thi-giua-hk1-toan-7>